

LA BÀN ĐẦU TƯ

Tuần 05 - 09/08/2024

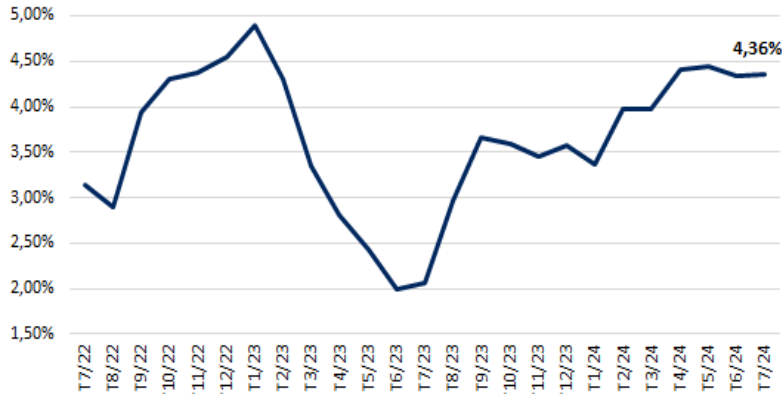


1. Tiêu điểm vĩ mô & sự kiện tuần qua

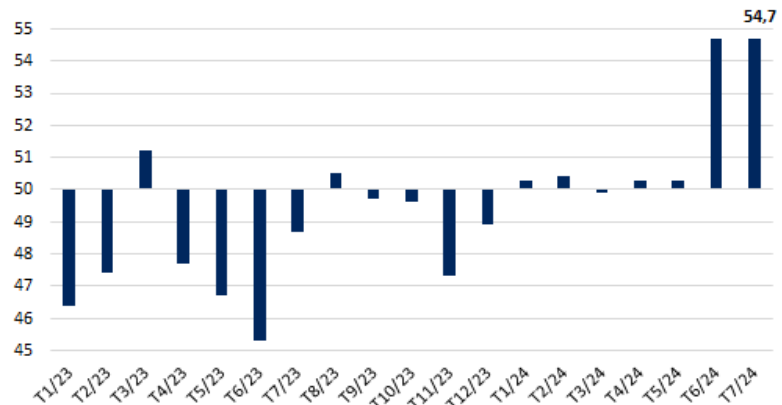


Việt Nam: Lạm phát nhích tăng, ngành sản xuất duy trì mở rộng trong tháng 7

Số liệu CPI toàn phần của Việt Nam



PMI lĩnh vực sản xuất của VN



www.vndirect.com.vn

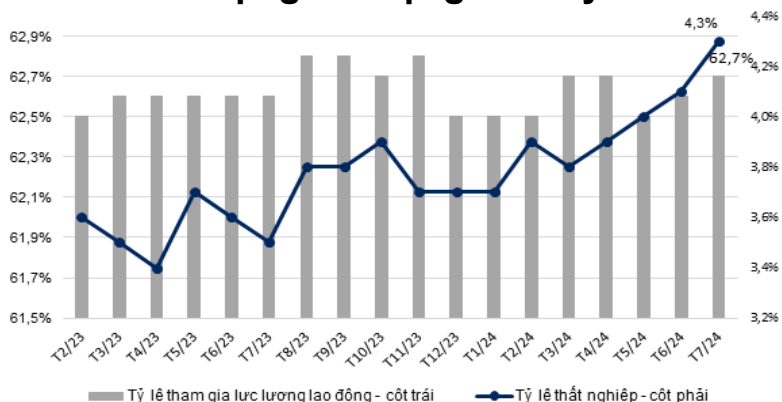
- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) toàn phần T7/24 của Việt Nam tăng 0,48% mom và tăng 4,36% yoy, nhích tăng nhẹ từ mức tăng 4,34% yoy của T6/24.
- Các điều kiện kinh doanh ngành sản xuất của Việt Nam duy trì mở rộng tháng thứ 4 liên tiếp khi PMI lĩnh vực sản xuất trong T7/24 duy trì ở mức 54,7 điểm.
- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) toàn phần T7/24 của Việt Nam tăng 0,48% mom và tăng 4,36% yoy, nhích tăng nhẹ so với mức tăng 4,34% yoy của T6/24. Trong khi CPI cơ bản (không gồm giá thực phẩm, năng lượng và các mặt hàng có giá do nhà nước quản lý) tăng 0,36% mom và tăng 2,61% yoy, không thay đổi so với mức tăng so với cùng kỳ của T6/24. Nhóm xăng dầu tăng, nhu cầu sử dụng điện sinh hoạt tăng và mức đóng bảo hiểm y tế được điều chỉnh theo mức lương cơ sở mới là những nguyên nhân chính khiến CPI T7/24 tăng. Cụ thể trong T7/24 có 10/11 nhóm hàng hóa tăng giá, trong đó nhóm hàng hóa và dịch vụ khác là nhóm tăng mạnh nhất với mức tăng 3,77% mom, nhóm giao thông tăng 1,45% mom.
- Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (PMI) ngành sản xuất VN của S&P Global duy trì ở mức 54,7 điểm trong T7/24. Mức điểm cao và trên mốc 50 điểm cho thấy các điều kiện kinh doanh nói chung của ngành sản xuất của VN duy trì mở rộng tháng thứ 4 liên tiếp với tốc độ mạnh lên. Cụ thể theo số liệu khảo sát số lượng đơn đặt hàng mới tăng tháng thứ tư liên tiếp với tốc độ tăng chỉ chậm hơn một chút so với mức gần kỷ lục của T6/24. Số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới cũng tăng, mặc dù mức độ yếu hơn so với tổng số lượng đơn đặt hàng mới. Trong bối cảnh số lượng đơn đặt hàng mới tăng mạnh, các nhà sản xuất đã tăng mạnh sản lượng trong T7/24. Hơn nữa, tốc độ tăng sản lượng đã nhanh hơn so với T6/24 và là mức nhanh thứ hai được ghi nhận, chỉ sau mức của tháng đầu tiên thu thập dữ liệu là T3/11. Số lượng đơn đặt hàng mới tăng mạnh cũng khiến các công ty phải sử dụng hàng tồn kho thành phẩm với một trong những mức độ cao nhất từng được ghi nhận, bất kể những nỗ lực tăng việc làm và hoạt động mua hàng hóa đầu vào.

Thế Giới: Fed tiếp tục giữ nguyên lãi suất điều hành, Thị trường lao động của Mỹ tiếp tục suy yếu

Thị trường đang nghiêng về dự báo năm 2024 Fed sẽ có 2 lần hạ lãi suất

CME FEDWATCH TOOL - AGGREGATED MEETING PROBABILITIES					
MEETING DATE	400-425	425-450	450-475	475-500	500-525
9/18/2024	0.00 %	0.00 %	0.00 %	22.00 %	78.00 %
11/7/2024	0.00 %	0.00 %	17.24 %	82.76 %	0.00 %
12/18/2024	0.00 %	29.64 %	70.36 %	0.00 %	0.00 %
1/29/2025	16.00 %	84.00 %	0.00 %	0.00 %	0.00 %
3/19/2025	100.00 %	0.00 %	0.00 %	0.00 %	0.00 %
4/30/2025	100.00 %	0.00 %	0.00 %	0.00 %	0.00 %
6/18/2025	100.00 %	0.00 %	0.00 %	0.00 %	0.00 %
7/30/2025	100.00 %	0.00 %	0.00 %	0.00 %	0.00 %

Số liệu thất nghiệp và tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của Mỹ



www.vndirect.com.vn

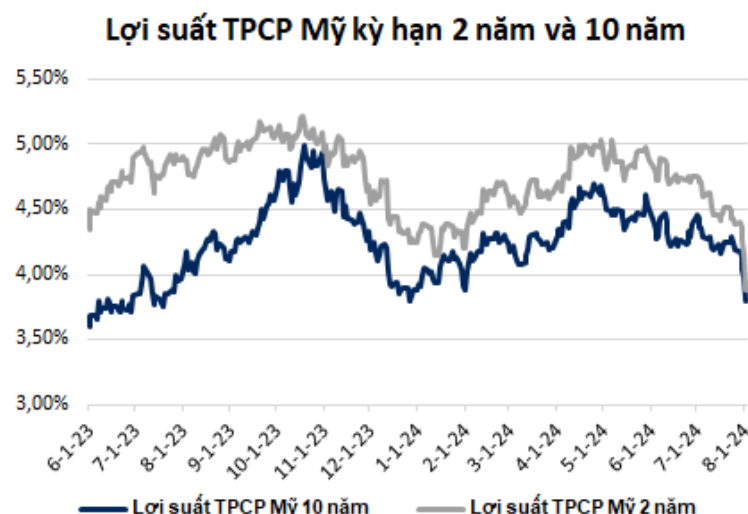
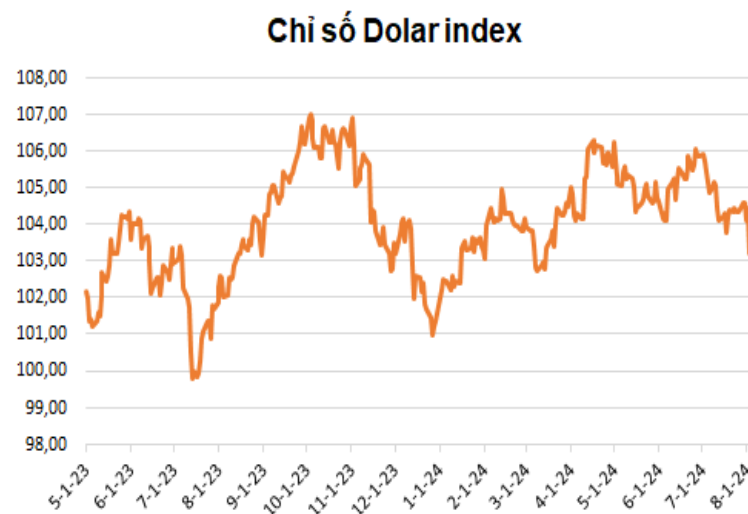
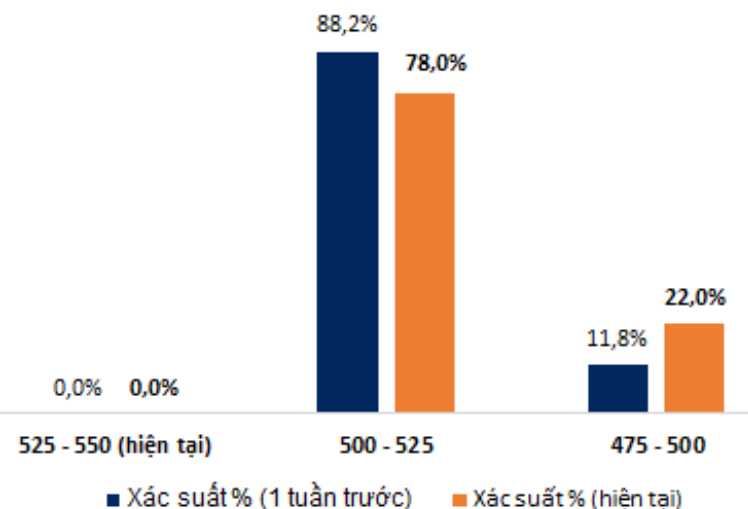
- Fed tiếp tục giữ nguyên lãi suất điều hành trong cuộc họp T7/24, tuy nhiên đã phát tín hiệu có thể bắt đầu hạ lãi suất vào cuộc họp trong tháng 9 tới.
- Trong T7/24 nền kinh tế Mỹ đã tạo ra 114 nghìn việc làm mới thấp hơn dự báo, tỷ lệ thất nghiệp tăng lên mức 4,3%, mức cao nhất kể từ T10/21.
- Trong cuộc họp chính sách T7/24, Fed đã quyết định giữ nguyên lãi suất điều hành với phạm vi lãi suất quỹ liên bang được giữ ở mức 5,25% - 5,5%. Phát biểu sau cuộc họp, Chủ tịch Fed, ông Powell nhận định, lạm phát đã hạ nhiệt trong một năm vừa qua nhưng vẫn ở mức cao. Lạm phát những tháng gần đây đã có thêm một số tiến bộ trong việc hướng lạm phát về mức mục tiêu. Đồng thời, Ông cũng cho biết, nếu lạm phát tiếp tục giảm xuống và ít nhiều phù hợp với kỳ vọng, tăng trưởng kinh tế vẫn ở mức tốt và thị trường lao động vẫn phù hợp với các điều kiện hiện tại, thì việc cắt giảm lãi suất có thể được đưa ra thảo luận tại cuộc họp vào tháng 9 tới đây của Fed.
- Theo báo cáo của bộ Lao Động Mỹ, trong T7/24 nước này có 114 nghìn việc làm mới trong lĩnh vực phi nông nghiệp, mức này thấp hơn nhiều mức dự báo của các chuyên gia là sẽ có 176 nghìn việc làm mới. Tỷ lệ thất nghiệp trong T7/24 cũng tăng mạnh lên mức 4,3% từ mức 4,1%, đây cũng là mức cao nhất kể từ T10/21. Trong khi tỷ lệ tham gia lực lượng lao động tăng lên mức 62,7% từ mức 62,6%, và tiền lương trung bình của người lao động Mỹ trong T7/24 tăng 0,2% mom và 3,6% yoy, thấp hơn dự báo tăng 0,3% mom và 3,7% yoy của các chuyên gia. Các số liệu việc làm trong T7/24 của Mỹ làm dấy lên lo ngại rằng Fed đã quá chậm trong việc hạ lãi suất khiến nền kinh tế Mỹ có thể rơi vào suy thoái.

Dự báo của thị trường nghiêng về kịch bản Fed sẽ giảm 0,25% lãi suất trong cuộc họp T9/2024

78% các nhà giao dịch dự báo Fed sẽ giảm 0,25% lãi suất điều hành và 22% dự báo Fed sẽ giảm 0,5% lãi suất điều hành trong cuộc họp tháng 9.2024.

DXY đóng cửa ở mức 103,22 điểm, giảm 1,05% so với tuần trước (wow) và tăng 1,86% so với đầu năm 2024 (ytd).

Lợi suất TPCP Mỹ kỳ hạn 2 năm ở mức 3,882% giảm 50,3 bps wow và giảm 36,8 bps ytd; LS kỳ hạn 10 năm ở mức 3,799% giảm 39,4 bps wow và giảm 8 bps ytd



Số liệu việc làm tháng 7 của Mỹ tiếp tục suy yếu làm dấy lên kỳ vọng Fed sẽ phải mạnh tay cắt giảm lãi suất trong thời gian tới là thông tin tác động kéo cả chỉ số Dolar index và lợi suất TPCP Mỹ giảm mạnh trong phiên giao dịch cuối tuần qua.

Dự báo của thị trường về quyết định lãi suất trong kỳ họp tháng 9 của Fed đang nghiêng về kịch bản Fed sẽ tiếp tục giữ nguyên lãi suất điều hành trong cuộc họp này (cuộc họp tháng 9 của Fed sẽ diễn ra vào thứ 4 tuần này, ngày 18/09/24 theo giờ địa phương).

Lịch sự kiện quan trọng tuần này

Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Hai 05/08/2024	Mỹ	Số liệu PMI lĩnh vực dịch vụ tháng 7.2024
Thứ Sáu 09/08/2024	Trung Quốc	Số liệu lạm phát CPI và PPI tháng 7.2024

2. Chiến lược đầu tư đa kênh tài sản dưới góc nhìn vĩ mô & sự kiện



Chiến lược đa kênh tài sản dưới góc nhìn vĩ mô & sự kiện

Môi trường vĩ mô duy trì hỗ trợ, kênh chứng khoán vẫn là lựa chọn hàng đầu hiện nay

Đánh giá các yếu tố vĩ mô/sự kiện chính	Đánh giá tác động với các kênh tài sản chính
<p>Các NHTW trên thế giới đang bắt đầu đảo chiều chính sách tiền tệ để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế</p>	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Trên toàn cầu, chu kỳ thắt chặt chính sách tiền tệ đang dần kết thúc khi ngày càng nhiều ngân hàng trung ương lớn đã cắt giảm hoặc chuẩn bị cắt giảm lãi suất chính sách trong năm 2024. Từ đầu năm 2024, đã có 74 lần cắt giảm lãi suất trên toàn cầu, bao gồm các ngân hàng lớn như ECB, SNB và BOC. Con số này cao hơn nhiều so với chỉ 16 lần tăng lãi suất trên toàn cầu kể từ đầu năm nay. ▪ Xu hướng giảm lãi suất chính sách sẽ trở nên nổi bật hơn trong nửa cuối năm 2024 và sau đó, nhờ đó làm dịu môi trường tín dụng và hỗ trợ dòng vốn đầu tư toàn cầu. Các tài sản tại các thị trường mới nổi và cận biên sẽ hưởng lợi từ sự thay đổi này.
<p>Triển vọng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam sẽ mạnh mẽ hơn trong nửa cuối năm 2024</p>	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Tại Việt Nam, nền tảng kinh tế vĩ mô vẫn vững chắc. Chúng tôi kỳ vọng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam sẽ mạnh mẽ hơn trong nửa cuối năm 2024 nhờ hoạt động sản xuất cải thiện, triển vọng xuất khẩu tích cực và chính sách tài khóa mở rộng. Trong khi đó, các thách thức kinh tế như lạm phát và áp lực tỷ giá có thể dần hạ nhiệt vào cuối năm nay. ▪ Nền tảng kinh tế vĩ mô và thị trường vẫn hỗ trợ cho một cách tiếp cận chủ động và chấp nhận rủi ro trong nửa cuối năm 2024. Triển vọng cổ phiếu vẫn khá tích cực. Mặc dù đà tăng của chỉ số chung có thể bị hạn chế do đợt tăng mạnh trước đó vào nửa đầu năm 2024, nhưng thị trường vẫn chứa đựng một số cơ hội đầu tư nổi bật trong một số ngành. ▪ Vàng miếng có thể mất đi sức hấp dẫn khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) hành động mạnh mẽ để quản lý kênh đầu tư này. ▪ Tiền gửi sẽ vẫn là lựa chọn của phần lớn các nhà đầu tư không chuyên, đặc biệt khi lãi suất có xu hướng tăng dù ở mức độ vừa phải. Trong khi đó, thị trường trái phiếu doanh nghiệp và bất động sản đang bước vào giai đoạn phục hồi ban đầu và sẽ cần những cách tiếp cận chuyên nghiệp và đầu tư dài hạn.

Đánh giá triển vọng các kênh tài sản dưới góc nhìn vĩ mô & sự kiện

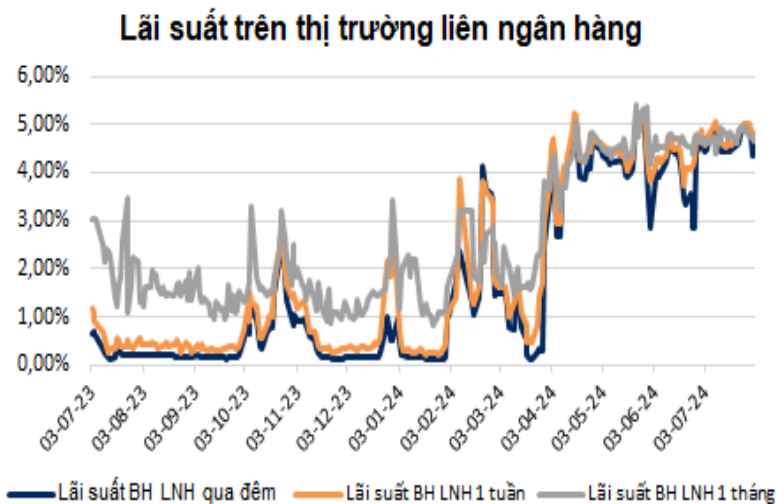
	Ngắn hạn (< 3 tháng)			Trung hạn (>3 tháng - 1 năm)			Dài hạn (> 1 năm)		
	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Tiền gửi tiết kiệm		X			X			X	
Cổ phiếu			X			X			X
Trái phiếu chính phủ		X			X			X	
Bất động sản		X			X			X	
Vàng	X				X			X	
USD		X			X			X	

3. La bàn thị trường đa kênh tài sản

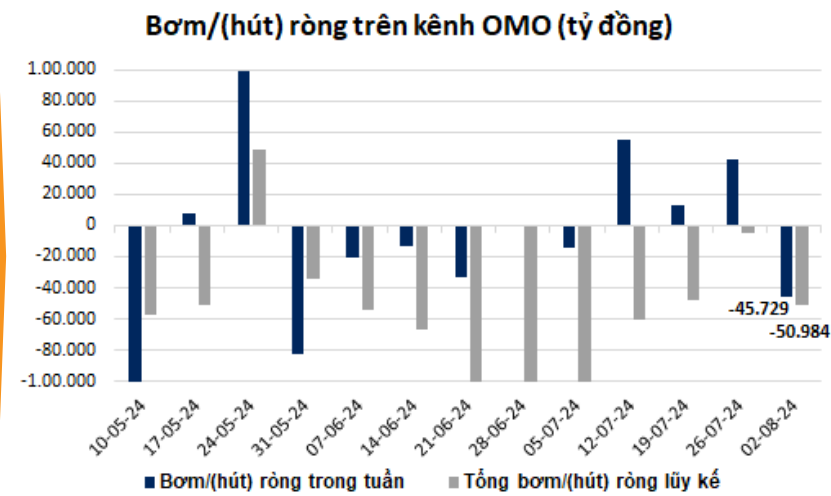


3.1 Thị trường tiền tệ VN: Tỷ giá USD – VND điều chỉnh

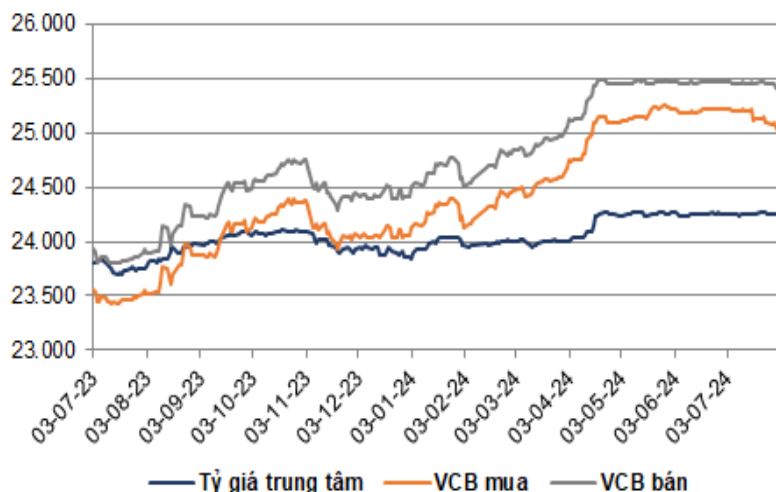
Lãi suất LNH giảm nhẹ. Kỳ hạn qua đêm hiện ở mức 4,6% (-26 bps wow), kỳ hạn 1 tuần ở mức 4,66% (-30 bps wow), kỳ hạn 1 tháng hiện ở mức 4,66% (-21 bps wow) (số liệu cập nhật hết ngày 01/08/2024)



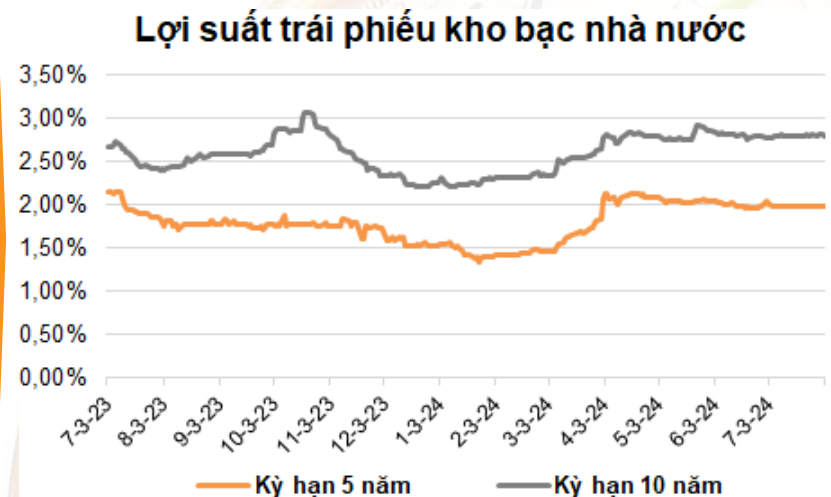
NHNN hút ròng trở lại trên kênh OMO, tổng giá hút ròng trong tuần là 45.729 tỷ đồng. Tổng giá trị hút ròng lũy kế hiện là 50.984 tỷ đồng.



Tỷ giá USD-VND điều chỉnh. Hiện giá mua và bán tại Vietcombank lần lượt là 25.030 đ và 25.400 đ giảm 0,24% wow và tăng 4,01% ytd (theo chiều bán). Trong khi tỷ giá trung tâm hiện là 24.242 đ, giảm 0,03% wow và tăng 1,57% ytd.

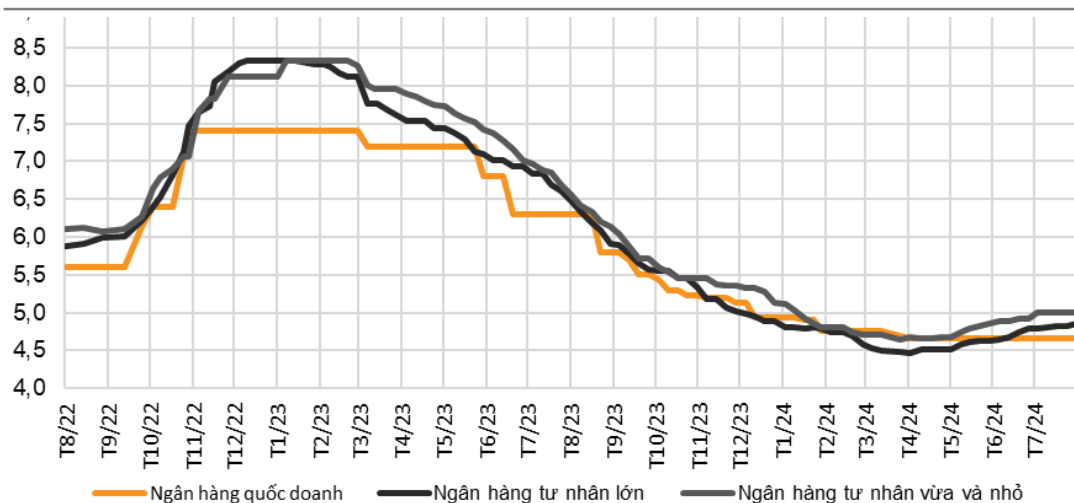


Lợi suất TP KBNN tiếp tục ổn định, lợi suất kỳ hạn 10 năm hiện ở mức 2,79%, giảm 1 bps wow và tăng 55 bps ytd, lợi suất TP kỳ hạn 5 năm hiện ở mức 1,98% không đổi so với tuần trước và tăng 45 bps ytd.



STB tăng lãi suất 12 tháng, nhiều NHTM tăng lãi suất ngắn-trung hạn

Bình quân lãi suất huy động kỳ hạn 12T của các nhóm Ngân hàng

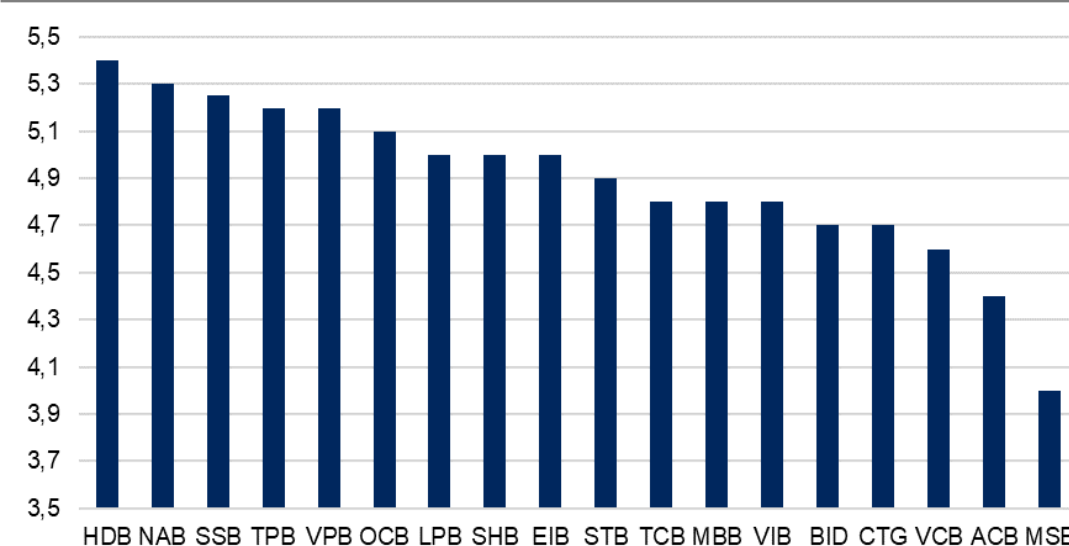


Ngân hàng quốc doanh bao gồm: VCB, BID, CTG

Ngân hàng tư nhân lớn bao gồm: TCB, VPB, MBB, STB, ACB, SHB

Ngân hàng tư nhân vừa và nhỏ bao gồm: LPB, SSB, NAB, EIB, HDB, TPB, VIB, MSB, OCB

Thống kê lãi suất tiền gửi 12 tháng của một số ngân hàng

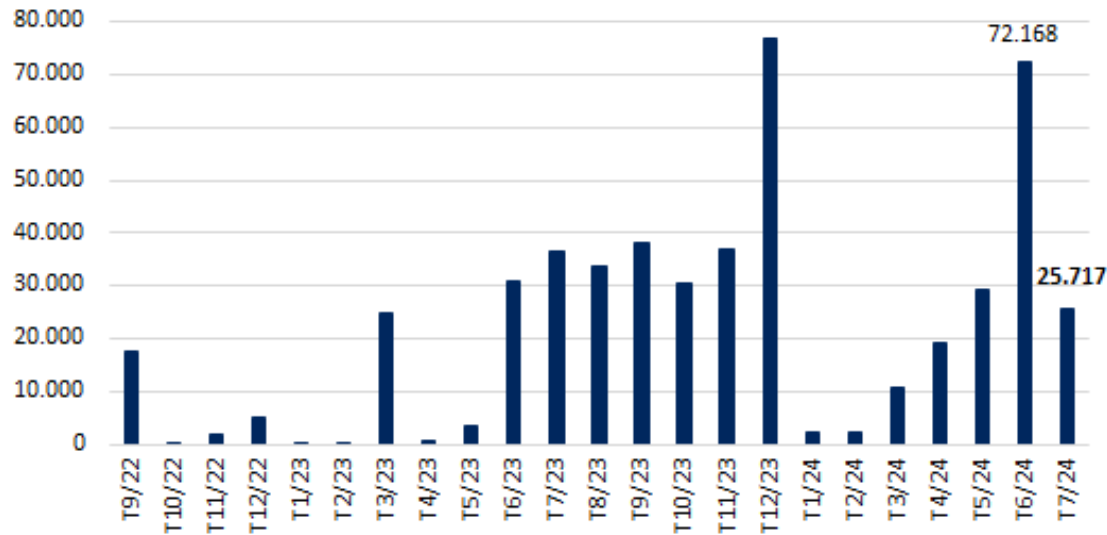


- Trong tuần từ 26/07 – 02/08/2024, bình quân lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng của nhóm NH quốc doanh và NH tư nhân vừa & nhỏ giữ nguyên ở mức lần lượt 4,67%/ 5,01% trong khi của nhóm NH lớn tăng 0,03 điểm % lên 4,85%.
- STB là NH duy nhất tăng lãi suất ở kỳ hạn 12 tháng (+0,2 điểm % lên 4,9%).
- Trong khi một số NH tăng lãi suất ở kỳ hạn 3 tháng là STB (+0,4% lên 3,2%), HDB (+0,3% lên 3,1%) và SHB (+0,2% lên 3,4%). Những NH tăng lãi suất ở kỳ hạn 6 tháng là STB (+0,4% lên 4,2%) và HDB (+0,2% lên 5,0%)

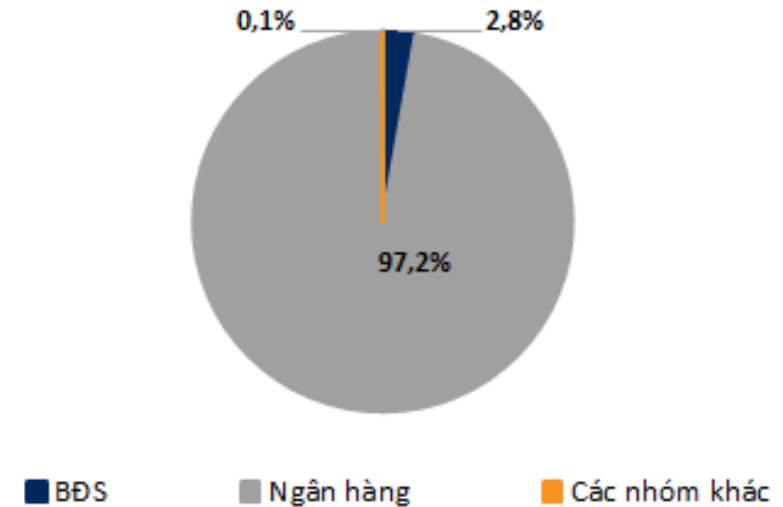
3.2 Thị trường Trái phiếu doanh nghiệp

Nhóm Ngân hàng duy trì phát hành giúp hoạt động phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ (TPDNRL) tiếp tục ấm lên trong tháng 7

Giá trị TPDN riêng lẻ phát hành theo tháng (đơn vị: tỷ đồng)
- số liệu được tổng hợp đến ngày 30/07/24



Cơ cấu TPDNRL phát hành theo nhóm ngành trong T7/24
- số liệu được tổng hợp đến ngày 30/07/24

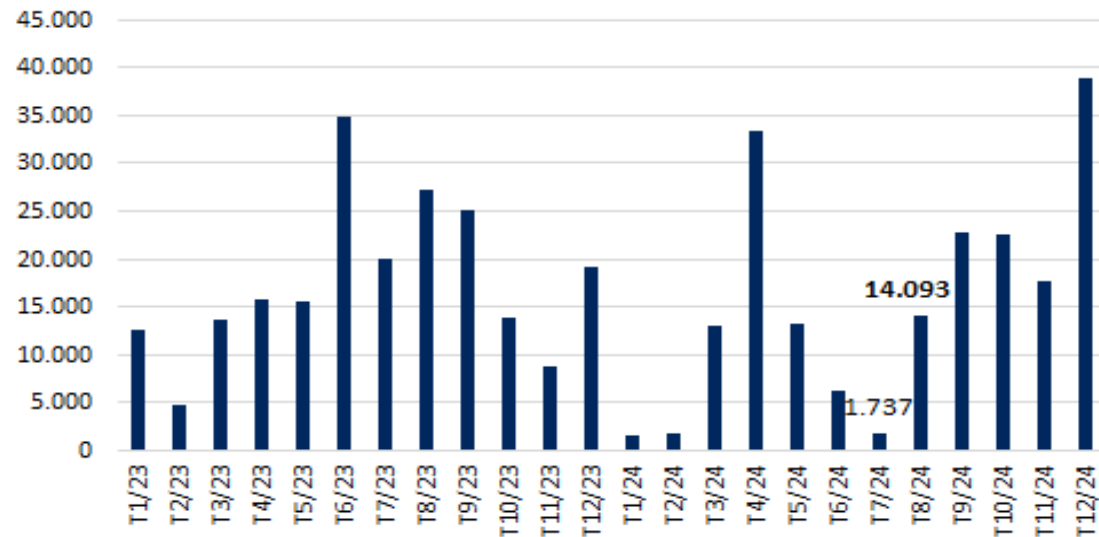


- Theo số liệu được công bố đến ngày 30/07/24, trong T7/24 có 27 đợt phát hành TPDNRL thành công với tổng giá phát hành đạt 25.717 tỷ đồng, giảm 64,3% so với tháng trước và giảm 29,5% svck. Lũy kế 7 tháng đầu năm 2024 tổng giá trị TPDNRL phát hành đạt hơn 161 nghìn tỷ đồng, tăng 66,5% svck.
- Hoạt động phát hành riêng lẻ trong T7/24 mặc dù sụt giảm so với tháng trước, tuy nhiên nếu so với các tháng đầu năm thì vẫn đang tiếp tục ấm lên. Trong T7/24 có 24 đợt phát hành riêng lẻ của nhóm Ngân hàng với tổng trị phát hành đạt gần 25 nghìn tỷ đồng, chiếm 97,2% tổng giá trị phát hành.

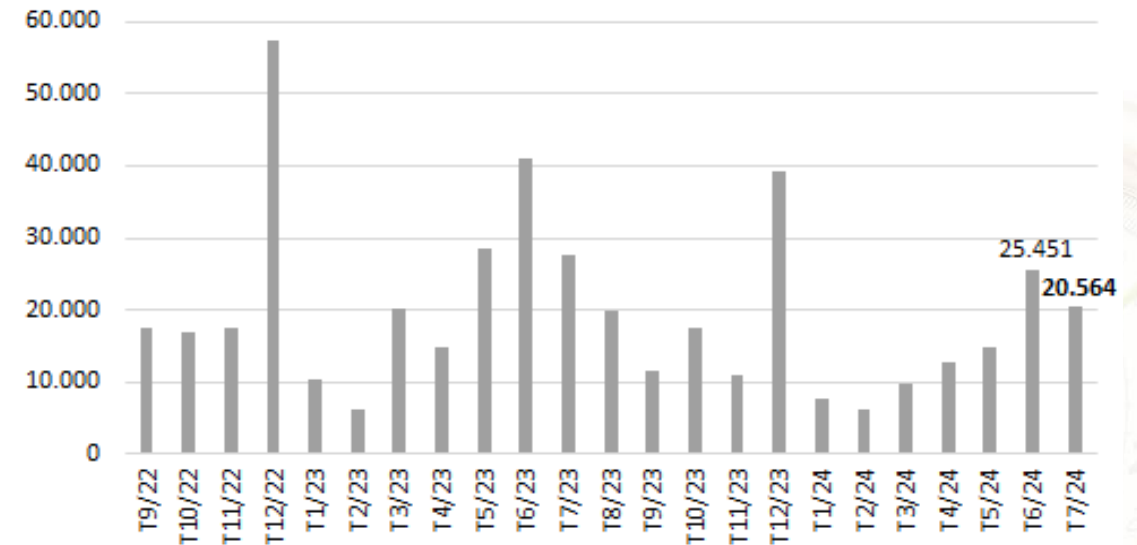
3.2 Thị trường Trái phiếu doanh nghiệp

Áp lực đáo hạn sẽ tăng trở lại trong T8/24, hoạt động đàm phán thay đổi kỳ hạn trái phiếu vẫn diễn ra sôi động

Giá trị TPDN đáo hạn theo tháng (Đơn vị: tỷ đồng) - thống kê đã loại trừ các TP được mua lại trước hạn và các TP đã được gia hạn kỳ hạn đến ngày 30/07/24



Tổng giá TPDN riêng lẻ mua lại trước hạn theo tháng (Đơn vị: tỷ đồng) - số liệu được tổng hợp đến ngày 30/07/24



- Theo số liệu của chúng tôi, trong T8/24 sẽ có khoảng hơn 14 nghìn tỷ đồng TPDNRL đáo hạn, áp lực đáo hạn gia tăng trong T8/24 và sẽ duy trì ở mức cao trong các tháng còn lại của năm 2024.
- Hoạt động đàm phán thay đổi điều khoản và điều kiện trái phiếu (TP) giữa các tổ chức phát hành (TCPH) và các trái chủ vẫn diễn ra sôi động trong T7/24. Tính đến ngày 30/07/24 đã có khoảng hơn 90 TCPH đạt được thỏa thuận gia hạn thời hạn TP với trái chủ với tổng giá trị TPDN được gia hạn là khoảng hơn 153 nghìn tỷ đồng.

3.3 Thị trường Bất động sản

Tín dụng vào lĩnh vực Bất động sản tăng mạnh trong 6 tháng đầu năm

Tổng tăng trưởng tín dụng ngành bất động sản tính đến hết 6 tháng tăng 4,6%, trong đó tín dụng kinh doanh bất động sản tăng 10,29% và tín dụng cho tiêu dùng bất động sản tăng 1,15%:

Trong nửa đầu 2024, tín dụng cho nhà ở tại Thành phố Hồ Chí Minh đã duy trì tăng trưởng dương, trong đó mục đích cho nhu cầu tự sử dụng tiền vay chiếm tỷ trọng cao nhất, chiếm đến 67,78% trên tổng dư nợ tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Con số tăng trưởng này đã phản ánh tâm lý thị trường chung có sự chuyển biến tích cực trong bối cảnh lãi suất mua nhà duy trì mức thấp.

Ngoài ra, tín dụng tăng trưởng còn do các DN phát triển bất động sản chủ động vay nợ để mua lại trái phiếu trước hạn nhằm cơ cấu các khoản nợ vay trái phiếu có lãi suất cao. Tuy nhiên, các doanh nghiệp bất động sản có pháp lý dự án sạch, đủ điều kiện mở bán và cấu trúc tài chính lành mạnh sẽ được hưởng lợi nhờ nhu cầu thực của người mua nhà.

Hiện tại, các ngân hàng quốc doanh (Agribank, Vietcombank, Vietinbank và BIDV) vẫn đang tiếp tục duy trì lãi suất vay mua nhà, sửa chữa nhà cửa ở mức thấp, nhờ đó kích thích nhu cầu vay của thị trường chung. Mức lãi suất cho vay mua nhà, đất hiện tại đang giao động thấp chỉ từ 5-7%/năm.

Tín dụng bất động sản tiếp tục chiếm hơn 20% tổng dư nợ tín dụng của toàn nền kinh tế. Chúng tôi cho rằng khi các Luật bất động sản (điều chỉnh) có hiệu lực từ 1/8/2024 tới sẽ góp phần giúp thị trường bất động sản và tín dụng bất động sản hồi phục rõ ràng hơn trong giai đoạn sắp tới. Khi mà nguồn cung bất động sản dự kiến sẽ trở lại và ổn định hơn nhờ pháp lý và sự chùng chéo giữa các quy định trong luật và các quy định của các cơ quan liên quan được tháo gỡ.

3.4 Thị trường hàng hóa

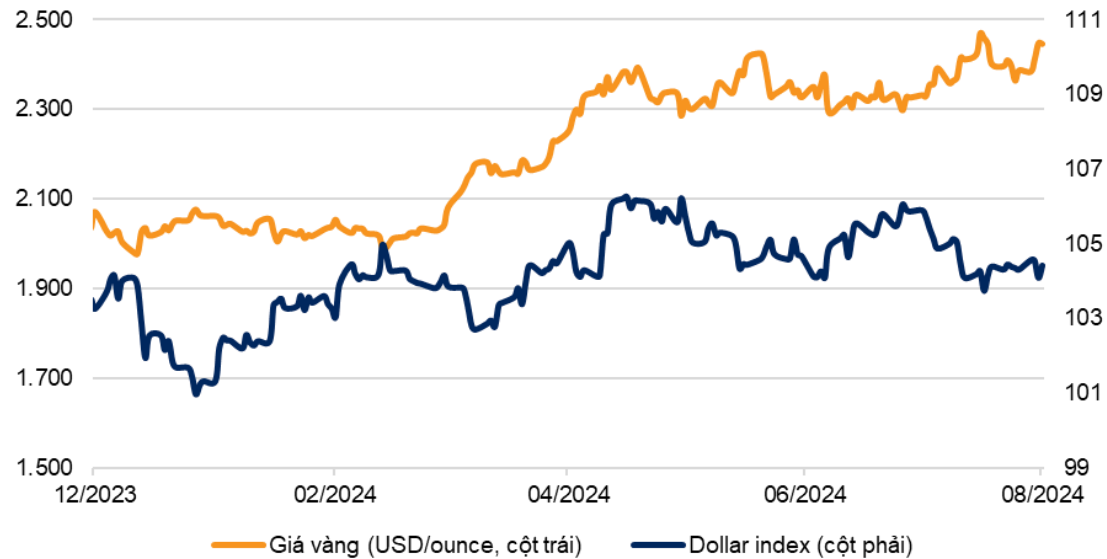
Diễn biến giá một số loại hàng hóa chúng tôi theo dõi (dữ liệu cập nhật đến ngày 01/08/2024):

		Thay đổi giá trong 1 tuần	Thay đổi giá trong 1 tháng	Thay đổi giá trong 1 năm	Thay đổi giá từ đầu năm 2024	Diễn biến giá trong 1 năm
Năng lượng	Dầu thô	-3,46%	-8,18%	-6,35%	4,78%	
	Khí LNG	3,66%	6,34%	17,80%	11,21%	
Công nghiệp - xây dựng	Than	5,79%	7,91%	6,10%	11,59%	
	Quặng sắt	-2,79%	-6,61%	-4,84%	-28,15%	
	Đồng	-0,73%	-7,77%	4,45%	5,21%	
	Niken	3,19%	-6,28%	-27,58%	-1,95%	
	PVC	-0,51%	-4,94%	-8,75%	1,87%	
	Cao su	-2,71%	-8,19%	58,18%	29,86%	
	Gỗ	0,00%	14,00%	-0,10%	-8,01%	
Nông nghiệp	Urê	-1,34%	0,15%	-18,93%	6,41%	
	Lúa Mỹ	-1,07%	-6,54%	-18,44%	-12,32%	
	Gạo tám 5%	-3,02%	-2,11%	9,92%	-12,37%	
	Đường	-0,86%	-8,55%	-24,15%	-11,48%	
	Thịt lợn	-0,16%	-2,28%	7,72%	29,18%	
Kim loại quý	Vàng thời	3,46%	4,90%	25,82%	18,81%	

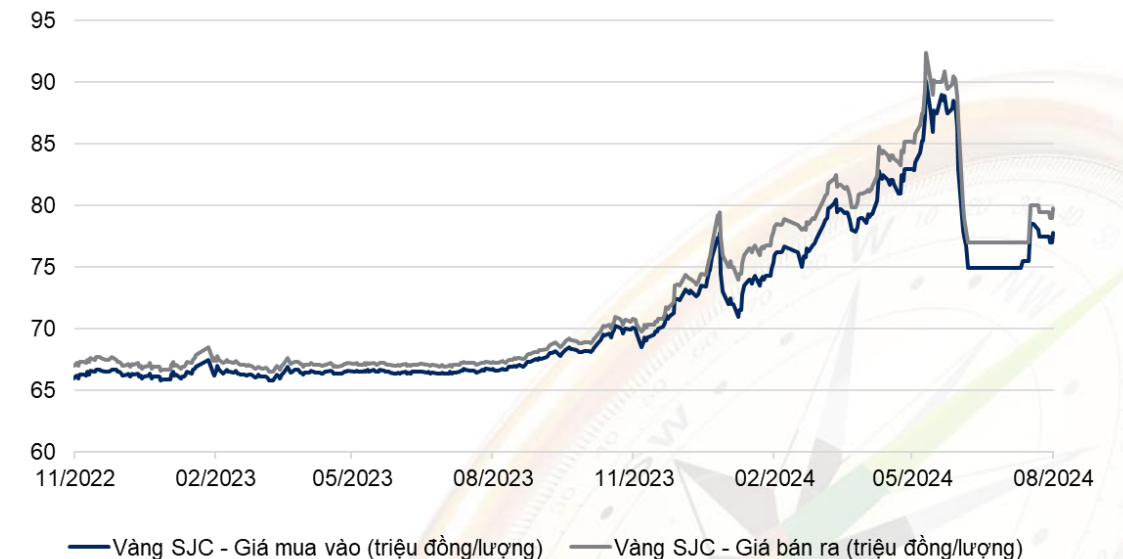
3.4 Thị trường hàng hóa

Giá vàng thế giới quay đầu tăng với triển vọng lạm phát hạ nhiệt và rủi ro địa chính trị gia tăng

Tính đến ngày 01/08, giá vàng thế giới đạt 2.446 USD/oz, tăng 3,5% sv tuần trước và tăng 4,9% sv tháng trước



Giá vàng SJC đạt 77,8-79,8 triệu đồng/lượng ở hai chiều mua bán, giảm 0,39%/0,38% sv tuần trước ở mỗi chiều



- Giá vàng thế giới quay đầu tăng trong tuần qua với triển vọng FED sẽ cắt giảm lãi suất vào cuộc họp tháng 9 ngày càng rõ nét, khi các dữ liệu về thị trường lao động và ngành sản xuất được ghi nhận thấp hơn kỳ vọng (chỉ số PMI của ISM trong tháng 7 đạt 46,8 điểm và thấp hơn dự báo), cộng với việc bối cảnh căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông đang gia tăng.
- Trong nước, giá vàng miếng SJC tại ngày 01/08 lần lượt đạt 77,8 triệu đồng/lượng chiều mua và 79,8 triệu đồng/lượng chiều bán, tăng 3,8%/3,7% sv tháng trước tại mỗi chiều. Chênh lệch giữa giá vàng SJC bán ra với giá vàng thời giao ngay tính đến ngày 01/08 ở mức 5,4 triệu đồng/lượng (tỷ giá USD/VND = 25.218).

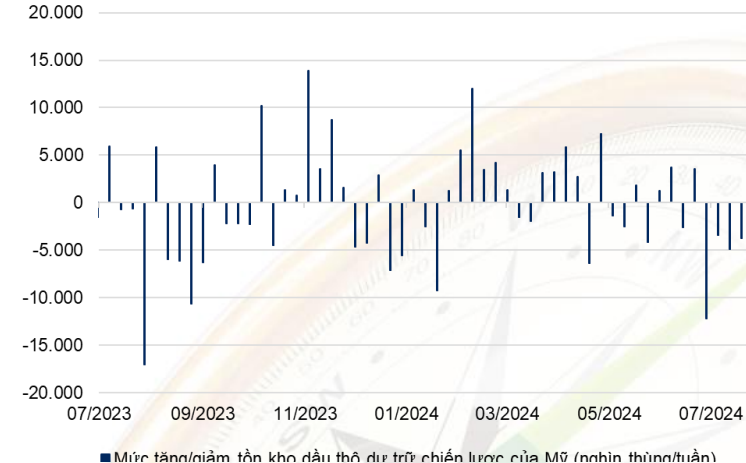
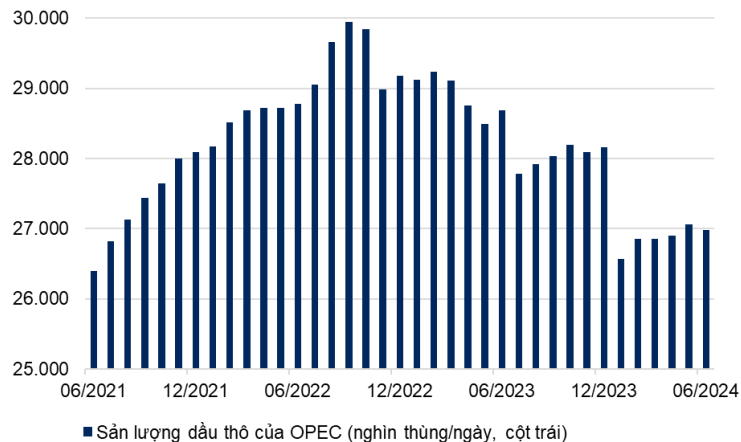
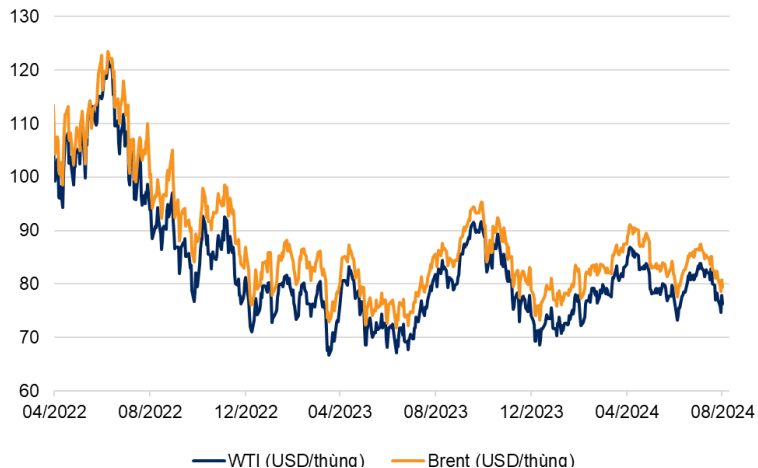
3.4 Thị trường hàng hóa

Giá dầu thô tiếp tục giảm do lo ngại nhu cầu tiêu thụ suy yếu

Tính đến ngày 01/08, giá dầu thô WTI và Brent đã lần lượt giảm 2,5%/3,5% sv tuần trước, đạt 76,3 và 79,5 USD/thùng

Sản lượng dầu từ OPEC đạt trung bình 26,9 triệu thùng/ngày trong 6T2024, giảm 7% svck, theo ước tính của Bloomberg

Dữ liệu tại kho dự trữ chiến lược tại Mỹ ghi nhận giảm ròng ở mức 15,5 triệu thùng trong tháng 7



- Giá hai loại dầu thô tiếp tục giảm trong tuần qua, do lo ngại về sức tiêu thụ yếu – đặc biệt là nhu cầu của Trung Quốc do nền kinh tế cho thấy sự tăng trưởng chậm lại trong Q2/24. Việc Mỹ ghi nhận các dữ liệu về thị trường lao động và ngành sản xuất được ghi nhận thấp hơn kỳ vọng mặc dù làm tăng triển vọng FED cắt giảm lãi suất (qua đó giảm áp lực từ đồng USD, hỗ trợ cho các kênh đầu tư khác như dầu), cũng đồng thời làm dấy lên lo ngại về việc tiêu thụ dầu tại thị trường này cũng sẽ yếu đi trong thời gian tới. Hiện tại, thị trường Mỹ vẫn đang cho thấy nhu cầu tiêu thụ mạnh lên khi kho dự trữ chiến lược đã thâm hụt năm tuần liên tiếp (mức giảm ròng lũy kế đạt 15,5 triệu thùng trong tháng 7).
- Trong tháng 8, bên cạnh tình hình căng thẳng địa chính trị giữa Israel – Hamas, việc OPEC duy trì chính sách cắt giảm sản lượng cho đến hết năm 2024 đang là các yếu tố hỗ trợ giá dầu.

3.5 Thị trường chứng khoán thế giới

Diễn biến các thị trường chứng khoán thế giới và khu vực

Chỉ số	Quốc gia	1 tuần	1 tháng	Từ đầu năm 2024	1 năm
Dow Jones	Mỹ	-2,10%	0,92%	5,43%	13,32%
S&P 500	Mỹ	-2,06%	-3,96%	12,09%	19,40%
Nasdaq	Mỹ	-3,35%	-8,59%	11,76%	20,76%
Euro Stoxx 50	EU	-4,64%	-6,88%	2,55%	7,01%
FTSE 100	Anh	-1,34%	-0,36%	5,71%	8,07%
Nikkei 225	Nhật Bản	-4,65%	-12,21%	7,33%	11,57%
Shanghai	Trung Quốc	0,50%	-1,51%	-2,34%	-11,64%
Hang Seng	Trung Quốc	-0,45%	-4,80%	-0,60%	-13,28%
Taiwan Weighted	Đài Loan	-2,18%	-8,14%	20,68%	28,46%
SET	Thái Lan	0,45%	0,08%	-7,26%	-14,20%
KOSPI	Hàn Quốc	-2,04%	-6,50%	0,79%	2,82%
Malaysia Top 100	Malaysia	-1,08%	-0,77%	13,68%	15,61%
STI Index	Singapore	-1,31%	-0,86%	4,36%	2,71%
IDX Composite	Indonesia	0,32%	0,80%	0,53%	6,69%
PHS All Shares	Philippine	-0,91%	2,51%	5,03%	4,33%
VN-Index	Việt Nam	-0,44%	-3,62%	9,44%	0,87%

Thị trường chứng khoán Mỹ tiếp tục có thêm 1 tuần giao dịch nhiều biến động sau những số liệu kinh tế được công bố trong tuần qua. Mặc dù trong những phiên giao dịch đầu tuần thị trường đã phản ứng tích cực khi Fed phát tín hiệu có thể bắt đầu hạ lãi suất vào tháng 9, tuy nhiên số liệu việc làm tháng 7 của Mỹ suy yếu đã làm các nhà đầu tư lo ngại về rủi ro nền kinh tế Mỹ rơi vào suy thoái và bán tháo cổ phiếu trong phiên giao dịch cuối tuần. Kết tuần chỉ số Nasdaq giảm hơn 3%, trong khi Dow Jones và S&P 500 đều giảm trên 2%.

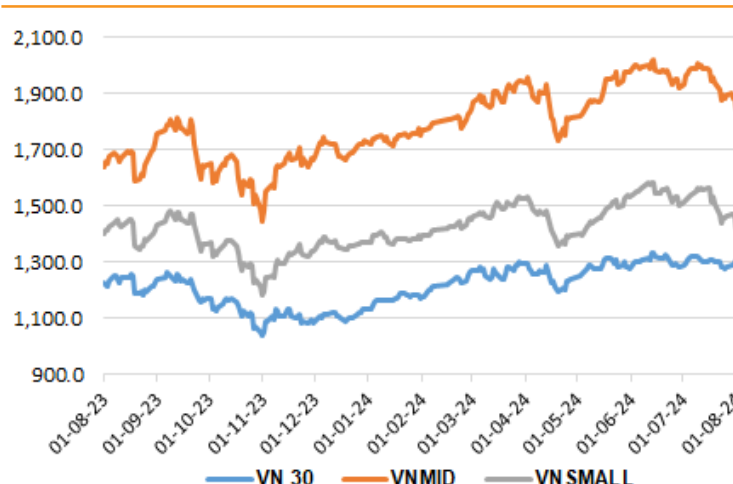
Nhiều thị trường chứng khoán Châu Á cũng ghi nhận thêm 1 tuần giảm điểm trong tuần qua như thị trường Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc, Việt Nam... Trong đó thị trường Nhật Bản tiếp tục ghi nhận mức giảm mạnh trước áp lực từ đồng Yên tăng giá và việc NHTW Nhật Bản tiếp tục tăng lãi suất điều hành.

3.5 Thị trường CKVN: Thị trường tiếp tục giảm điểm với thanh khoản giao dịch ở mức thấp

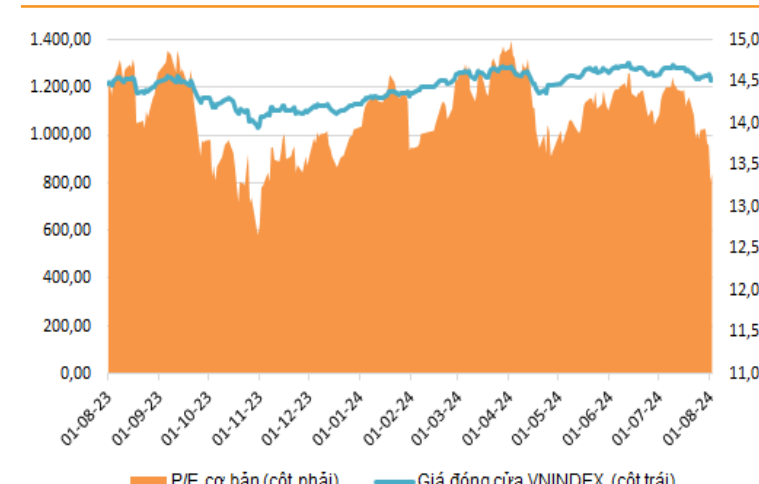
VN-Index điều chỉnh tuần thứ 4 liên tiếp, kết tuần tại mức 1.236,6 điểm, giảm 0,44% sv tuần trước



Chỉ số VN30/VNMID/VNSML đều giảm với mức giảm lần lượt là 0,06%/2,45%/2,65%



P/E 12 tháng của VNINDEX đang giao dịch ở mức 13,4x.



- Mặc dù có 3 phiên tăng điểm tuy nhiên với 1 phiên giảm điểm mạnh, VN-Index có tuần giảm điểm thứ 4 liên tiếp. Kết tuần VN-index giảm 5,51 điểm (-0,44%) xuống 1.236,6 điểm. Thanh khoản giao dịch tăng nhẹ, thanh khoản trên sàn Hose đạt trung bình 603,8 triệu cp/phiên, tăng 8,8% so với tuần trước và cao hơn 4% so với trung bình 4 tuần gần nhất.
- Khối ngoại trở lại bán ròng nhẹ với giá trị bán ròng trong tuần trên sàn HOSE là hơn 401 tỷ đồng. Khối tự doanh các công ty chứng khoán duy trì mua ròng, với giá trị mua ròng trong tuần trên sàn HOSE là hơn 983 tỷ đồng.
- Các mã VNM và BID là những mã có đóng góp tích cực cho VNINDEX với mức kéo chỉ số tăng lần lượt 3,22 điểm và 2,5 điểm. Ở chiều ngược lại VHM và LPB là những mã kéo chỉ số giảm nhiều nhất, với mức kéo giảm lần lượt 1,87 điểm và 1,13 điểm.

3.5 Thị trường chứng khoán Việt Nam

Diễn biến điểm số và thanh khoản các nhóm ngành

Ngành	1 tuần (%)	1 tháng (%)	3 tháng (%)	P/E (lần)	P/B (lần)	% thay đổi khối lượng (1 tuần)
Bán lẻ	1,49%	-3,61%	14,50%	48,61	3,25	-16,5%
Bảo hiểm	-0,46%	-5,58%	8,29%	12,50	1,36	-33,5%
Bất động sản	-2,54%	-4,23%	-3,64%	16,70	1,22	14,0%
CNTT	-3,63%	-6,40%	12,74%	25,45	4,71	26,1%
Dầu khí	1,06%	4,99%	25,59%	13,58	1,47	10,3%
Dịch vụ tài chính	-2,37%	-7,87%	-4,73%	16,10	1,49	7,1%
Hóa chất	-2,18%	-5,88%	7,35%	20,58	1,98	9,9%
Ngân hàng	0,98%	0,40%	2,76%	9,28	1,50	-11,7%
Tài nguyên cơ bản	-0,02%	-4,29%	10,15%	20,48	1,39	36,4%
Thực phẩm & đồ uống	1,73%	-1,88%	14,01%	22,01	2,69	40,0%
Viễn thông	-6,77%	-33,61%	3,58%	37,00	5,46	12,7%
Xây dựng & Vật liệu	-3,51%	-5,77%	5,07%	22,29	1,39	11,6%
VNINDEX	-0,44%	-3,15%	1,66%	13,41	1,68	8,8%

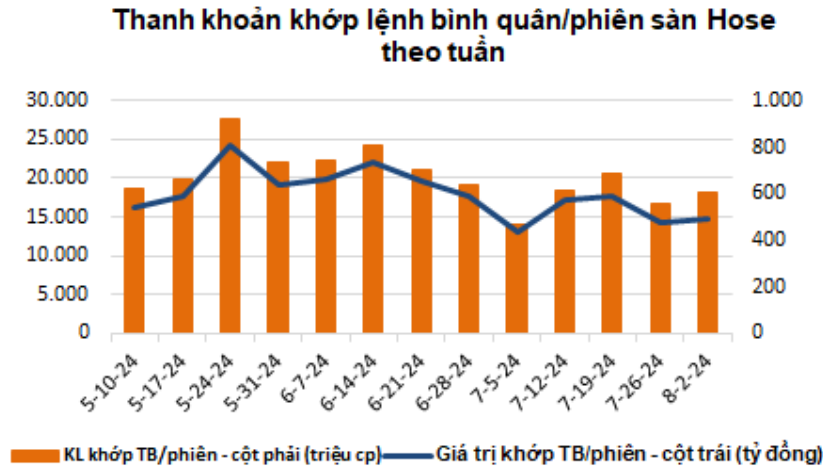
Thị trường tiếp tục có 1 tuần giao dịch biến động mạnh với thanh khoản cải thiện nhẹ.

Nhóm Ngân Hàng có diễn biến tích cực và có đóng góp lớn cho điểm số với nhiều mã tăng như TCB (+3,3%), BID(+3,24%), SSB (+2,96%), NAB (+5,9%), VPB (+1,9%), VCB (+1,6%)... Nhóm Dầu Khí cũng có diễn biến tích cực trước thông tin căng thẳng ở Trung Đông gia tăng, các mã tăng như BSR (+1,82%), PVC (+0,72%), OIL (+2,76%)...

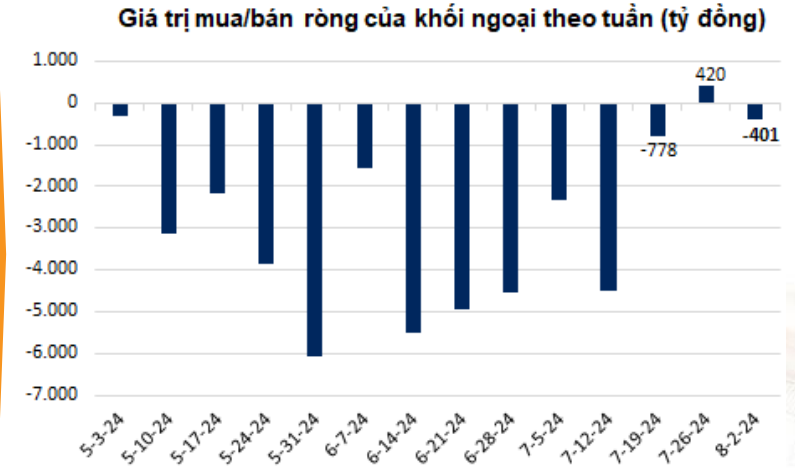
Ở chiều ngược lại, Nhóm cổ phiếu Thép diễn biến kém tích cực trước thông tin EU điều tra chống bán phá giá, nhiều mã giảm như SMC (-18,28%), TLH (-14,23%), NKG (-6,64%), HSG (-7,34%), HPG (-0,73%), ...

3.5 Thị trường chứng khoán Việt Nam: Thanh khoản duy trì ở mức thấp, khối ngoại trở lại bán ròng

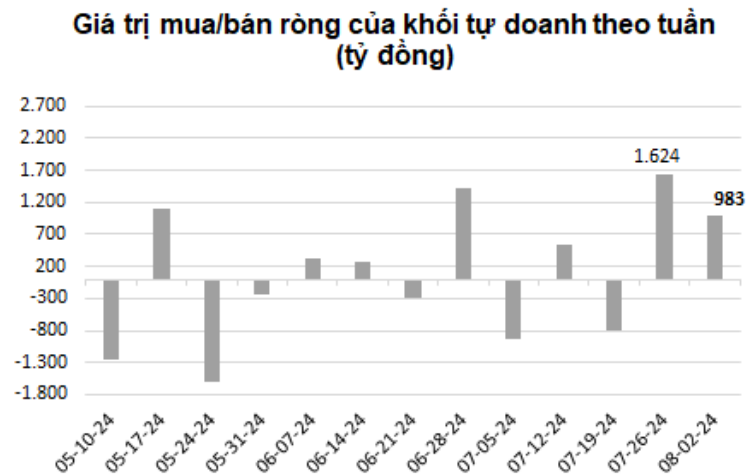
Thanh khoản duy trì ở mức thấp, thanh khoản trên sàn Hose đạt trung bình 603,8 triệu cp/phiên, tăng 8,8% sv tuần trước và cao hơn 4% so với trung bình 4 tuần gần nhất.



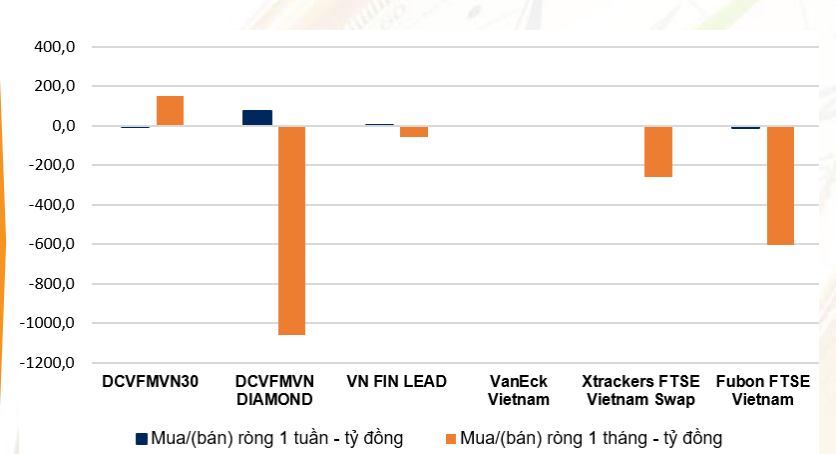
Khối ngoại trở lại bán ròng nhẹ, giá trị bán ròng trên sàn Hose trong tuần qua của khối ngoại là hơn 401 tỷ đồng.



Khối tự doanh duy trì mua ròng, giá trị mua ròng trên sàn Hose trong tuần của khối tự doanh là hơn 983 tỷ đồng

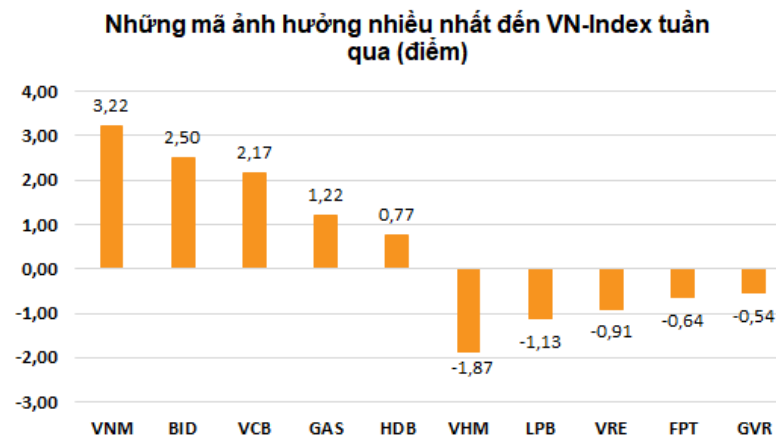


Tuần qua quỹ Fubon là quỹ ETF bán ròng mạnh nhất với giá trị bán ròng hơn 186 tỷ đồng.

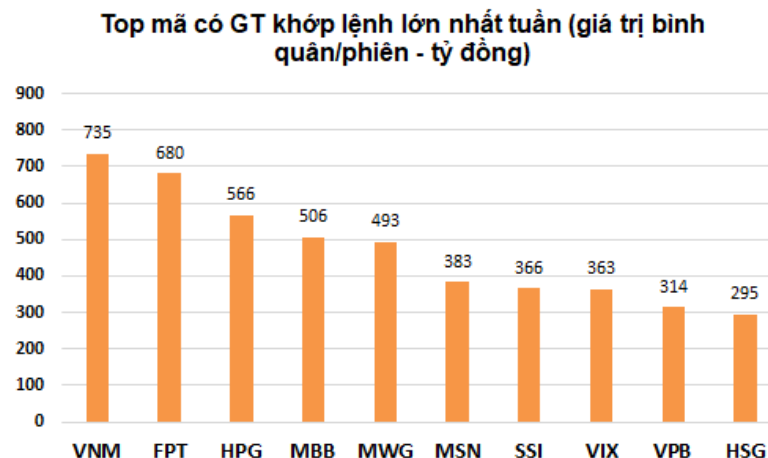


3.5 Thị trường chứng khoán Việt Nam: Thanh khoản duy trì ở mức thấp, khối ngoại trở lại bán ròng

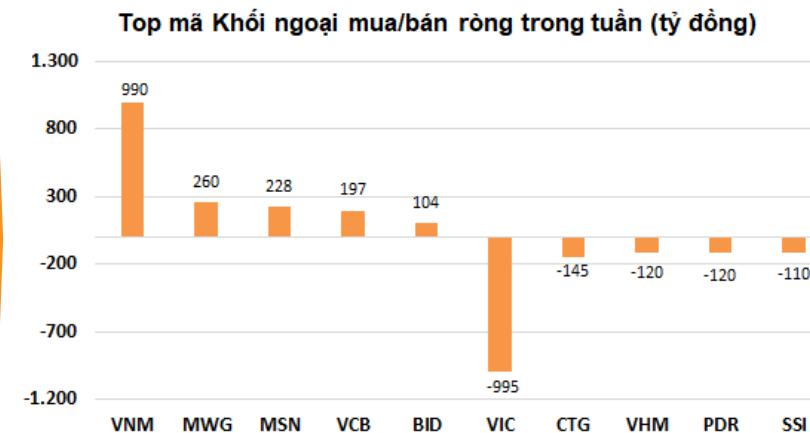
Các cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index trong tuần qua (mức tác động đến VNIndex – điểm)



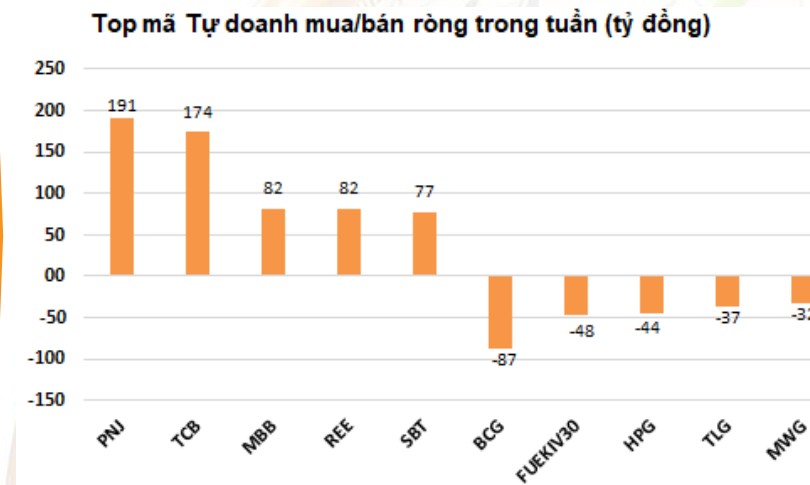
VNM là mã có giá trị khớp lệnh lớn nhất trong tuần với giá trị khớp trung bình là hơn 735 tỷ đồng/phiên, theo sau là các mã FPT và HPG với giá trị khớp lệnh trung bình/phiên lần lượt là hơn 680 tỷ đồng và hơn 566 tỷ đồng



Trong tuần từ 29/07 – 02/08 VNM là mã được khối ngoại mua ròng nhiều nhất với giá trị hơn 990 tỷ đồng. Trong khi VIC là mã bị bán ròng mạnh nhất với giá trị bán ròng hơn 995 tỷ đồng.



Trong tuần 29/07 – 02/08 PNJ là mã được khối tự doanh mua ròng mạnh nhất với giá trị mua ròng hơn 191 tỷ đồng, trong khi BCG là mã được khối này bán ròng mạnh nhất với giá trị bán ròng là hơn 87 tỷ đồng.



Theo dõi biến động danh mục khuyến nghị

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Chủ đề đầu tư	Hiệu quả tuần qua	Hiệu quả từ lúc khuyến nghị	Giá mục tiêu (đ/cp)	Upside còn lại
1	HPG	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	Đầu tư công	-0,73%	7,81%	31.700	16,33%
2	HHV	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	Đầu tư công	-5,29%	-15,99%	19.500	81,40%
3	VIB	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	Ngành Ngân hàng vẫn hấp dẫn	0,96%	-0,46%	25.900	22,75%
4	KBC	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	Xu hướng tích cực của dòng vốn FDI	-7,32%	-12,05%	40.000	54,14%
5	VNM	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	Nhu cầu tiêu dùng phục hồi	8,66%	8,99%	82.600	15,52%
6	QNS	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	Nhu cầu tiêu dùng phục hồi	0,07%	3,88%	65.100	33,40%
7	HSG	06/03/2024	La bàn đầu tư T3/2024	Nhu cầu thép phục hồi	-7,34%	7,30%	32.000	49,18%
8	PVD	08/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	Hoạt động E&P sẽ ngày càng sôi động	-0,18%	-6,37%	36.800	31,90%
9	GMD	06/05/2024	La bàn đầu tư T5/2024	Hoạt động thương mại phục hồi	2,53%	-3,83%	90.200	11,36%
10	KDH	05/06/2024	La bàn đầu tư T6/2024	Chính Phủ nỗ lực hỗ trợ TT BĐS	-2,78%	-5,50%	43.800	25,14%
11	VHM	05/06/2024	La bàn đầu tư T6/2024	Chính Phủ nỗ lực hỗ trợ TT BĐS	-4,64%	-8,35%	66.400	84,44%

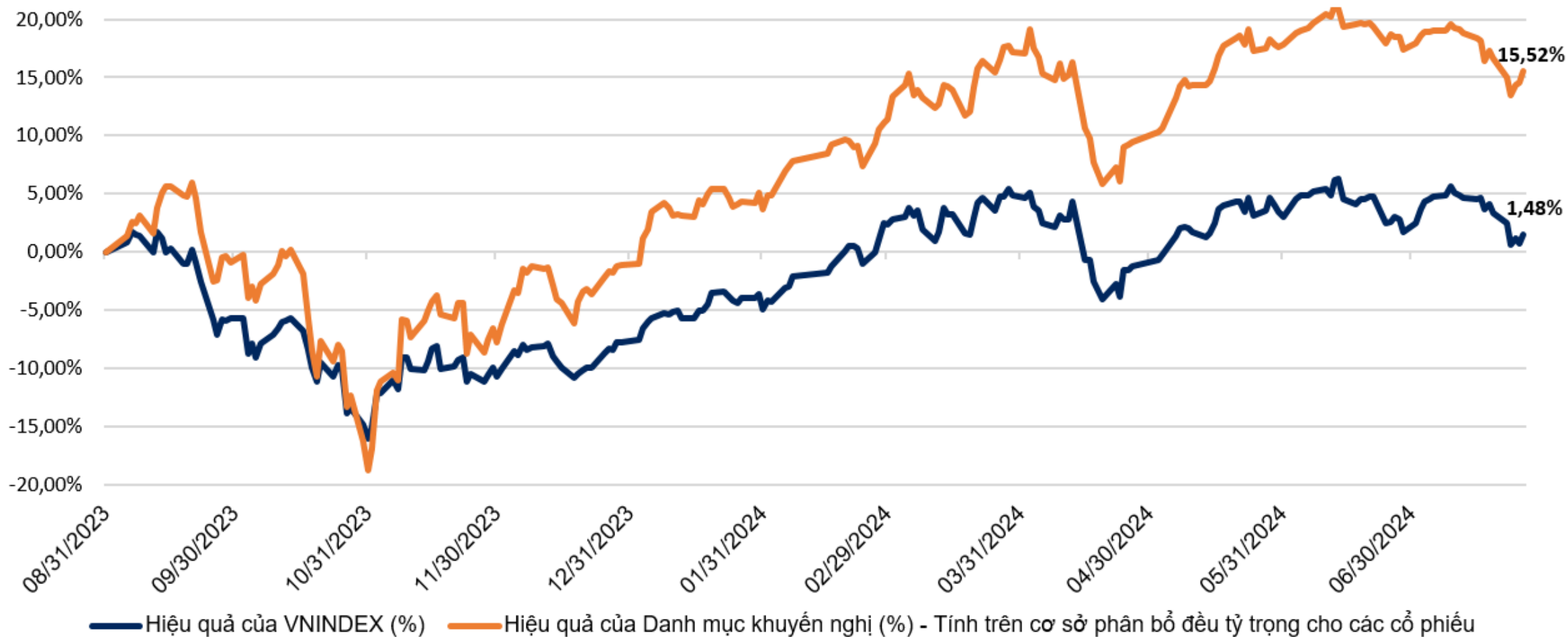
Theo dõi biến động danh mục khuyến nghị

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Chủ đề đầu tư	Hiệu quả tuần qua	Hiệu quả từ lúc khuyến nghị	Giá mục tiêu (đ/cp)	Upside còn lại
12	MWG	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	Tiêu dùng nội địa phục hồi	3,11%	-2,97%	72.100	14,63%
13	MBB	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	Vượt qua khó khăn, chờ ngày tươi sáng	-2,06%	3,53%	28.400	19,33%
14	PNJ	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	Tiêu dùng nội địa phục hồi	2,91%	1,37%	1.14.400	15,56%
15	HAH	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	Mùa cao điểm đang đến	-8,35%	-11,93%	48.000	21,52%
16	BAF	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	Tiêu dùng nội địa phục hồi	-4,79%	-11,64%	26.800	49,72%
17	VCB	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	Vượt qua khó khăn, chờ ngày tươi sáng	1,60%	1,30%	1.11.800	26,04%
18	VPB	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	Vượt qua khó khăn, chờ ngày tươi sáng	1,90%	-1,36%	23.700	26,40%
19	SCS	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	Mùa cao điểm đang đến	-2,44%	-4,88%	95.100	13,35%
20	HDG	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	Mùa nước về	-4,69%	-12,60%	35.700	30,05%
21	PLX	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	Nhu cầu xăng dầu trong nước vẫn mạnh mẽ	-0,63%	2,55%	47.100	-0,84%
22	ACV	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	Mở cửa bầu trời đón khách quốc tế	-2,41%	-7,48%	1.36.200	21,72%

Danh sách các mã đã đạt giá mục tiêu

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Chủ đề đầu tư	Giá mục tiêu (đ/cp)	Ngày đạt giá mục tiêu
1	DGW	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	Bán lẻ hồi phục dần	61.600	11/09/2023
2	CTG	04/12/2023	La Bàn Đầu Tư T12/23	Ngành Ngân hàng vẫn hấp dẫn	34.600	07/02/2024
3	GMD	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	Hoạt động thương mại phục hồi	81.000	01/03/2024
4	VHC	02/10/2023	La bàn đầu tư T10/23	Tín hiệu phục hồi từ xuất khẩu	74.000	04/03/2024
5	DGW	02/11/2023	La Bàn Đầu Tư T11/23	Bán lẻ dần hồi phục	61.600	08/03/2024
6	PNJ	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	Nhu cầu tiêu dùng phục hồi	99.900	13/03/2024
7	MBB	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	Ngành Ngân hàng vẫn hấp dẫn	25.400	22/03/2024
8	IDC	08/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	Dòng vốn FDI vẫn mạnh mẽ	62.700	06/05/2024
9	MWG	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	Bán lẻ dần hồi phục	61.500	15/05/2024
10	PHR	08/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	Dòng vốn FDI vẫn mạnh mẽ	61.200	16/05/2024
11	PVS	08/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	Hoạt động E&P sẽ ngày càng sôi động	46.500	20/05/2024
12	BAF	06/05/2024	La bàn đầu tư T5/2024	Tăng trưởng mạnh trên nền thấp	23.000	29/05/2024
13	HAH	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	Hoạt động thương mại phục hồi	46.100	10/06/2024
14	FPT	05/06/2024	La bàn đầu tư T6/2024	Triển vọng chất bán dẫn	135.900	21/06/2024

Theo dõi biến động danh mục khuyến nghị



THANK YOU

VNDIRECT RESEARCH
Email: research@vndirect.com.vn

